

Bản án số: 116/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 9 - 2018

*“V/v: Ly hôn giữa
chị L và anh T”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp: “*Ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Trúc L, sinh năm 1988; Địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, *(có mặt)*.

2. *Bị đơn:* Anh Phùng Bá T, sinh năm 1969; Địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Lưu Thị Trúc L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Trúc L và anh Phùng Bá T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, ngày 04/5/2009.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó đến tháng 12 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Vợ chồng đã cố gắng khắc phục để đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng hạnh phúc gia đình vẫn không thể hàn gắn

được. Đến tháng 11/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Phùng Lưu Quỳnh D, sinh ngày 19/11/2009 và chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu D từ trước đến nay ở với chị L tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hiện chị L đang làm kế toán có thu nhập ổn định trung bình hằng tháng khoảng 10.000.000đồng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Phùng Bá T:* Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Qua xác minh tại địa phương nơi anh T cư trú thì được biết hiện anh T có cư trú và sinh sống tại đại phương. Tuy nhiên, anh T không đến Tòa để tham gia tố tụng và cố tình lẩn tránh nên Tòa án không thể lấy lời khai của anh T được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Phùng Bá T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa; Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt. Sau khi Tòa án ra quyết định xét xử anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lưu Thị Trúc L và anh Phùng Bá T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, ngày 04/5/2009. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Xét về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T, qua lời trình bày của đương sự cũng như kết quả xác minh ở tại địa phương, thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị L và anh T đã cố gắng khắc phục nhưng hạnh phúc gia đình vẫn không thể hàn gắn được. Đến tháng 11/2017 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng và sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị L xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị Trúc L.

[3]. Về con cái: Chị Lưu Thị Trúc L và anh Phùng Bá T có 01 con chung là Phùng Lưu Quỳnh D, sinh ngày 19/11/2009 và chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét về quyền lợi mọi mặt của con, cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Xét thấy, cháu D từ trước đến nay ở với chị L, có nơi ăn ở, sinh hoạt, học tập ổn định. Hiện chị L có nghề nghiệp và thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đồng/tháng.

Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị Lưu Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lưu Thị Trúc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 144, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án về mức thu án phí, lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lưu Thị Trúc L được ly hôn với anh Phùng Bá T.
2. Về nuôi con: Giao con chung là Phùng Lưu Quỳnh D, sinh ngày 19/11/2009, cho chị Lưu Thị Trúc L được trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị Trúc L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị L đã nộp theo biên lai số AA/2017/0003373 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- P.Kiểm tra- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.B;
- CC THADS TP.B;
- UBND xã H,
- huyện K, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Phương